

GIÁ TRỊ GIÁO DỤC TẠI CÁC TRƯỜNG TƯ CÔNG GIÁO DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC (1860-1945) TRONG TINH THẦN XÂY DỰNG XÃ HỘI VIỆT NAM

Tóm tắt: Bài viết này nhằm mục đích tìm hiểu giá trị giáo dục của các trường tư thực Công giáo trong lịch sử Kitô giáo đến Việt Nam từ đầu thế kỷ XVI và phát triển mạnh đặc biệt dưới thời Pháp thuộc địa tới năm 1945. Nếu chữ Quốc ngữ đã được Alexandre de Rhode cổ vũ ngay từ thế kỷ XVII, nhằm đào tạo linh mục bản xứ và giảng dạy giáo lý, thì hệ thống giáo dục các trường tư Công giáo chỉ được thiết lập chính thức tại Việt Nam vào năm 1924. Phải chăng hệ thống giáo dục tư thực Công giáo tại Việt Nam đã được công nhận chính thức vào thời kỳ hình thành hệ thống giáo dục Pháp bản xứ bắt đầu từ năm 1917? Hay giá trị giáo dục tại nhà trường đầu thế kỷ XX của Công giáo vừa đáp ứng nhu cầu của Giáo hội và xã hội Việt Nam, vừa hội tụ giá trị đạo đức Á-Âu về bản chất tự nhiên của con người Việt Nam, đồng thời phản ánh được phương pháp sư phạm, hầu đáp ứng được chất lượng giảng dạy và tiếp cận được chương trình giáo dục Pháp - Việt, từ cấp I đến cấp III. Bài nghiên cứu này không nhằm mục đích chống lại luật thể tục hóa của Pháp tại nhà trường, đã được áp đặt cho Nam Kỳ, nhưng sẽ nhấn mạnh đến tầm quan trọng của hệ thống giáo dục tư thực Công giáo, không chỉ liên quan đến chương trình giảng dạy khoa học, mà còn liên quan tới giá trị giáo dục văn hóa mà các nhà truyền giáo Pháp đã hội tụ kiến thức phương Tây và hội nhập văn hóa Viễn Đông.

Từ khóa: Giáo dục; Công giáo; Pháp thuộc; Việt Nam.

* Viện Nghiên cứu Đông Á của Pháp - L'Institut français de recherche sur l'Asie de l'Est (IFRAE)

Ngày nhận bài: 03/12/2021; Ngày biên tập 21/3/2022 ; Duyệt đăng : 12/7/2022.

Đặt vấn đề

Công giáo tới Việt Nam ngay từ nửa đầu thế kỷ XVI theo như ghi nhận của *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*: “có một người châu Âu tên là Y-nê-xu đặt chân đến làng Ninh Cường, Quần Anh, Nam Chân và Trà Lũ, huyện Giao Thủy năm 1533”¹. Nếu Honorio Munoz, tu sĩ dòng Đa Minh Tây Ban Nha thuộc tỉnh dòng Phi Luật Tân xác nhận: “Ngay từ năm 1550 đã có một nhóm tu sĩ dòng Đa Minh người Bồ Đào Nha như Gaspard de Santa Cruz; Grégoire de la Motte và Luis de Fonseca, các vị này đến từ quần đảo Malacca và đặt chân lên cảng Cồn Cao, tỉnh Hà Tiên thuộc Nam Kỳ năm 1550”², Lê Thị Hoa lại ghi nhận sự xuất hiện của giáo sĩ Fernando dòng Tên và hai vị tu sĩ dòng Đa Minh Bồ Đào Nha (Luis de Fonseca và Grégoire de Motte) từ Ma Cao đến Tourane (Đà Nẵng), nhưng có lẽ các vị này tới với “tư cách tuyên úy các thủy thủ tàu buôn của Bồ Đào Nha”³. Phải chờ tới năm 1615 mới xuất hiện các giáo sĩ dòng Tên theo như nhận định của Alain Guillemin: “Francesco Buzomi (1576-1639) et Diego Carvalho, hai vị giáo sĩ này đã thiết lập sứ vụ truyền giáo tại Tournane (ngày nay là Đà Nẵng) chính thức từ năm 1615”⁴. Tuy vậy, lịch sử giáo dục của Công giáo Việt Nam chỉ đồng sáng tạo cùng thời với sứ vụ truyền giáo của Linh mục Đắc Lộ (Alexandre Rhodes) tại Đàng Ngoài, Cửa Bạng, Thanh Hóa ngày 19 tháng 3 năm 1627. Lẽ dĩ nhiên vào thời điểm này, Linh mục Đắc Lộ và các cộng sự viên của Ngài như Gaspar d’Amaral, Antoine Barbosa và nhất là Gieronimo Majorica, bắt đầu phát động công trình biên soạn giáo lý, sáng tác kinh nguyện, thơ, văn bằng chữ Nôm nhằm giáo dục niềm tin Kitô giáo.

Nhìn chung, nhà truyền giáo phương Tây đã nối tiếp công trình sáng tạo chữ Quốc ngữ xuyên suốt chiều dài lịch sử từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, như một di sản của Linh mục Alexandre de Rhodes để lại cho Giáo hội và xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, chữ Quốc ngữ chỉ được đưa vào chương trình giảng dạy chính thức tại nhà trường đầu thế kỷ XX. Chắc hẳn chữ Quốc ngữ, ngôn ngữ đào tạo giáo lý ban đầu của Công giáo Việt Nam trở thành chữ viết chính thức của Việt Nam vào thời kỳ hình thành hệ thống giáo dục có tính cách hệ thống Pháp tại bản địa, bắt đầu từ năm 1917. Đây cũng là thời điểm chuẩn bị cho

hệ thống các trường Dòng hay còn gọi là trường tư Công giáo được công nhận chính thức tại Việt Nam năm 1924. Vậy hệ thống các trường tư Công giáo Việt Nam đã mang lại những giá trị nào cho Giáo hội và xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc? Các nhà truyền giáo Pháp đã hội tụ kiến thức phương Tây và hội nhập văn hóa Viễn Đông như thế nào trong phương pháp sư phạm và giảng dạy tại các trường tư Công giáo dưới thời Pháp thuộc?

Mục tiêu của bài viết này, hướng tới việc tìm hiểu những giá trị giáo dục và ảnh hưởng của các trường tư Công giáo trong tinh thần xây dựng xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX tới năm 1945. Để làm sáng tỏ chủ đề này, bài viết tập trung trình bày ba trục chính về giá trị giáo dục Công giáo tại nhà trường: Lịch sử giáo dục của Công giáo, phương pháp sư phạm và giá trị đạo đức của các trường tư thực Công giáo đầu thế kỷ XX, hệ thống giáo dục Công giáo đã góp phần xây dựng đất nước và con người Việt Nam như thế nào tới năm 1945.

1. Lịch sử hệ thống giáo dục của Công giáo trong xã hội Việt Nam từ thời Pháp thuộc

Lịch sử giáo dục của Công giáo không phải xuất hiện bắt đầu từ thời Pháp thuộc, nhưng nền tảng giáo dục đã bắt đầu hình thành dưới thời Linh mục Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) và các cộng sự của Ngài tới Cửa Bạng, Thanh Hóa năm 1627. Tuy thế, giáo dục của Công giáo đầu thế kỷ XVII hầu như chỉ tập trung vào việc sáng tạo chữ Quốc ngữ để dạy giáo lý và nhằm mục đích rao giảng Tin mừng. Lẽ dĩ nhiên phải tới thế kỷ XVIII, khi mà Pháp chiếm đóng Nam Kỳ (Cochinchine), thì việc truyền giáo tại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định và Định Tường) mới được thực hiện. Hiên nhiên, việc tự do thực hành đức tin Công giáo chỉ được áp dụng cho vùng đất thuộc địa Pháp tại Nam Kỳ từ tháng 6/1862: “các giám mục và các nhà truyền giáo được phép tự do đi lại trong Vương quốc và trong các địa hạt mà không cần phải mang theo hộ chiếu cấp bởi chính phủ thuộc địa. Các giám mục và linh mục được phép tự do truyền giảng học thuyết Công giáo mà không bị theo dõi cách đặc biệt trong khi thi hành sứ vụ”⁵. Nhờ hiệp ước này (Hòa ước Nhâm Tuất 1862) mà chính phủ Pháp thuộc địa đã mời sáu Sư huynh La San tới Nam Kỳ năm

1866, để đóng góp vào công trình giáo dục tại nhà trường. Thật vậy, Toàn quyền Đông Dương đã mời các Sư huynh La San thuộc các “Trường Cơ đốc giáo” để lo việc giảng dạy tại nhà trường theo như tài liệu trong văn khố Bộ trưởng Bộ Hàng Hải và Thuộc địa Pháp: “sáu Sư huynh đầu tiên của Trường Cơ Đốc Pháp được gửi đến Nam Kỳ, Sài Gòn, Việt Nam. Các Sư huynh được hưởng vận chuyển miễn phí từ Bộ trưởng Bộ Hàng Hải và Thuộc địa. Các Thầy La San đã tiếp quản trường Cao đẳng d’Adran ngay từ năm 1866”⁶. Trên thực tế, các Sư huynh La San đã thực hiện ơn gọi, sứ mệnh và làm việc vì sự thánh thiện của họ bằng cách hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo đặc sủng của Đấng sáng lập: đó là “giáo dục tôn giáo và hướng dẫn giáo dục phổ thông”. Các Sư huynh đảm nhận giáo dục phổ thông và làm chứng tá Phúc Âm trong môi trường giảng dạy, chứ không phải là các thầy dạy “Học thuyết Cơ Đốc giáo” tại nhà trường. Do đó, chính quyền thuộc địa mời các Sư huynh cộng tác giáo dục, không chỉ đơn thuần là ngôn ngữ và văn hóa Pháp, mà còn nhằm tới việc phát triển chữ Quốc ngữ là ngôn ngữ dạy giáo lý của Công giáo trong các trường như: Trường d’Adran Saigon 1866, Trường La San tại Chợ Lớn năm 1867, Trường Thánh Joseph tại Mỹ Tho năm 1869. Không phải ngẫu nhiên mà nhà Toàn Quyền Pháp tại Đông Dương mời các Sư huynh La San đóng vai trò giáo dục tại các trường nơi miền đất thuộc địa, nhưng có lẽ Chính quyền thuộc địa cũng theo đuổi việc hợp thức hóa chữ Quốc ngữ cho người Việt, bằng cách nâng chữ Quốc ngữ lên hàng văn tự chính thức ở Nam Kỳ ngay từ năm 1878⁷.

Tại những vùng Pháp bảo hộ như Tonkin (Bắc Kỳ) và An Nam (Trung Kỳ), phải chờ đến Hòa ước Giáp Tuất năm 1874, công việc truyền giáo mới bắt đầu. Hòa ước Giáp Tuất năm 1874 thay thế Hòa ước Nhâm Tuất năm 1862 áp dụng không những cho các nhà Truyền giáo Pháp, mà còn dành cho các nhà giảng thuyết Đa Minh Tây Ban Nha thuộc tỉnh Dòng Philippine tại Địa phận Tây Đàng ngoài (Hải Dương, Hải Phòng). Một phần nội dung Hòa ước năm 1874 đã ghi rằng: Công giáo dạy con người làm điều tốt, nên nhà vua đã bãi bỏ và hủy bỏ mọi điều cấm kỵ đối với người Kitô giáo và cho phép tất cả thần dân của Vương Quốc này thực hành các nghi lễ tôn giáo một cách tự do: “Những người theo đạo Thiên Chúa ở Vương quốc An

Nam sẽ có thể hội họp tại các nhà thờ với số lượng không giới hạn để thực hành sự thờ phượng của họ. Họ sẽ không còn bị ép buộc, dưới bất kỳ lý do gì, thực hiện các hành vi trái với tôn giáo của họ, cũng như không phải chịu các cuộc điều tra dân số cụ thể. Họ sẽ được nhận vào tất cả các cuộc thi tuyển và việc làm công chức mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ hành vi nào bị cấm bởi tôn giáo” (Điều 9)⁸. Mặt khác, Hòa ước Giáp Tuất năm 1874 còn cho phép Công giáo được mở rộng hơn nhiều so với Hòa ước Nhâm Tuất năm 1862, như: “Các giám mục, nhà truyền giáo và linh mục An Nam sẽ có quyền mua và thuê đất để xây dựng nhà thờ, bệnh viện, trường học, trại trẻ mồ côi và tất cả các tòa nhà khác nhằm phục vụ việc thờ phượng của tôn giáo”⁹.

Tuy nhiên, việc xây dựng các nhà thờ, trường học cũng như các bệnh viện và trại mồ côi chỉ được chính thức ghi nhận vào thời điểm nhà Nguyễn ký kết hai Hiệp định vào cuối thế kỷ XIX: Hòa ước Harmand (Hác-măng) ngày 25/8/1883 và Hòa ước Giáp Thân (Hòa ước Patenôtre) ngày 6/6/1884 thừa nhận và chấp nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

Năm 1884 là thời điểm lịch sử mà các giáo sĩ đã có tầm ảnh hưởng rất nhiều đến người Công giáo bản xứ trong bối cảnh số lượng tín đồ Công giáo phát triển nhanh không chỉ ở Nam Kỳ, mà còn ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Đây cũng là thời điểm thích hợp để các Thừa sai thành lập các Tiểu chủng viện và Đại chủng viện tại Việt Nam, đồng thời thiết lập các cơ sở trường học từ cấp I đến cấp II, như: Trường Taberd Sài Gòn năm 1889, Trường La San Vĩnh Long năm 1890, Trường Puginier Hà Nội năm 1894, Trường La San Thủ Đức năm 1904, Trường Pellerin Huế năm 1904, Trường Thánh Joseph Hải Phòng năm 1908, Trường Thánh Tô-ma d’Aquin Nam Định năm 1924, Trường Trung học Thánh Maurice en Valais tại Hà Nội năm 1929, Trường Thánh Louis tại Phát Diệm năm 1932, Viện Chúa Quan Phòng tại Huế năm 1933, Trường Couvent des Oiseaux (Dòng Đức Bà) tại Đà Lạt năm 1934 và tại Hà Nội năm 1936, Trường d’Adran Đà Lạt năm 1941.

Giáo dục Công giáo mặc dù chưa chính thức trở thành tư thực Công giáo, nhưng hoạt động giảng dạy tại các trường giáo xứ và trường Dòng vẫn song song với chính sách giáo dục Pháp đầu thế kỷ

XX với hai hệ thống trường học¹⁰. Đó là trường Hán học được cải tổ đôi chút bắt đầu từ năm 1906 và hệ thống trường Pháp - Việt, được khởi xướng do Albert Sarraut ngày 21/12/1917¹¹. Tuy vậy, hệ thống giáo dục tư thực của trường Công giáo chỉ được chính thức ra đời năm 1924 bằng một sắc lệnh liên quan đến các trường Công giáo do Tổng thống Cộng hòa Pháp, Alexandre Millerand ký và ban hành tại Đông Dương ngày 18/9/1924. Chắc hẳn sắc lệnh này là “một ngoại lệ cho phép các dòng tu tham gia vào Hiệp định tự do thực hành tôn giáo của họ ở các nước thuộc chính quyền bảo hộ như An Nam và Bắc Kỳ (...). Nhưng nhà lập pháp cần thận nói thêm rằng các quy định đã được hoạch định phải tôn trọng quyền tự do về phương pháp giảng dạy và sự tự do lựa chọn sách học”¹².

Bước ngoặt lịch sử năm 1924 cho phép ra đời chính thức hệ thống giáo dục tư thực Công giáo, trong khi đó, các nhà lãnh đạo Công giáo đã chuẩn bị sẵn sàng đệ trình lên các nhà lập pháp thuộc địa, để được chấp thuận đặc biệt hệ thống giáo dục tư Công giáo từ cấp I đến cấp II¹³. Mỗi quan hệ giữa các trường tư thực Công giáo và các trường Pháp cho người bản xứ (*Enseignement Franco-Indigène*), có chung một chương trình giảng dạy Pháp bản xứ từ cấp Tiểu học đến Trung học. Chương trình dành riêng bậc Tiểu học là 6 năm: ba lớp đầu còn được gọi là bậc sơ học và ba năm sau, học sinh thi lấy bằng Sơ Học Yếu Lược (*Primaire Élémentaire*). Phần lớn hệ thống giáo dục tư Công giáo Việt Nam đảm nhiệm giảng dạy bậc tiểu học từ lớp Đồng Ấu (*Cours Enfantin*) đến lớp Dự Bị (*Cours Préparatoire*) để được vào lớp Sơ Đẳng (*Cours Élémentaire*). Từ lớp Sơ Đẳng năm thứ nhất (*Cours Moyen 1ère année*) đến lớp Sơ Đẳng năm thứ hai (*Cours Moyen 2è année*) (09) và cuối cùng là lớp cao nhất của bậc tiểu học (*Cours Supérieur*)¹⁴. Nếu các lớp Sơ học chiếm 65% thì lớp Sơ Học Yếu Lược chỉ có 23% và 11% lớp Sơ Đẳng năm thứ nhất và năm thứ hai vào năm 1927, và chỉ có 1% lớp Trung học vào năm 1928 tại các trường tư Công giáo Việt Nam¹⁵. Thật vậy, lớp Sơ Đẳng bổ sung năm thứ hai là quá trình đào tạo giới tinh hoa, học hỏi chuyên sâu bằng tiếng Pháp để cho phép tiếp cận với văn hóa pháp trong môi trường Trung học phổ thông¹⁶.

Một điều hiển nhiên là hệ thống giáo dục Trung học Công giáo chỉ ra đời song song với hệ thống Trung học (*Enseignement Secondaire*) Pháp-Việt bắt đầu từ năm 1927. Đầu những năm 1930 là thời điểm thuận tiện cho các trường Trung học Công giáo ra đời, như: Trường Trung học Công giáo Hà Nội (*Collège-Lycée secondaire des Chanoines réguliers de St Maurice en Valais*) ra đời năm 1929 và Trung học (*Collège*) Jeanne d'Arc tại Huế năm 1933; Trường trung học dành riêng cho các sinh viên nữ nội trú do các sơ Dòng Đức Bà (*Couvent des Oiseaux*) thành lập tại Đà Lạt năm 1934 và Hà Nội năm 1935. Mặt khác, hệ thống giáo dục tư Công giáo phát triển khắp các địa phận vào thời điểm lịch sử ra đời Thông điệp *Divini Illius Magistri* của Giáo hoàng Piô XI năm 1929. Thông điệp này nhấn mạnh đến giá trị giáo dục của Công giáo mang tầm cỡ nhân văn, truyền thống và khoa học với sự hợp tác giữa giáo hội, xã hội và gia đình. Như vậy, Giáo hội Công giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX đã đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội trong sự hợp tác giáo dục và góp phần xây dựng đất nước, không những về mặt học thức mà còn về mặt đạo đức và nhân bản, hay nói cách khác: Giáo dục “chung sống” trên tinh thần tôn trọng, đoàn kết, công bằng và khoan dung. Đây chính là khẩu hiệu mà phong trào Công giáo Tiến hành đã góp phần xây dựng Giáo hội và xã hội Việt Nam phát triển văn hóa và tôn giáo không ngừng từ đầu thế kỷ XX đến năm 1940. Vậy giá trị giáo dục của các trường tư Công giáo đầu thế kỷ XX có tầm ảnh hưởng như thế nào trong Giáo hội và xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc địa?

2. Giá trị tinh thần giáo dục trong các trường tư Công giáo đầu thế kỷ XX

Trước thềm năm 1930, Thông điệp *Divini Illius Magistri* của Giáo hoàng Piô XI gửi đến những nhà lãnh đạo tôn giáo và các cấp chính phủ quốc gia xuất hiện vào một thời điểm thuận lợi cho Giáo hội Công giáo Việt Nam và là biểu tượng cho xã hội Việt Nam dưới chính quyền thực dân Pháp. Thông điệp *Divini Illius Magistri* của Giáo hoàng Piô XI đã vạch ra đường hướng giáo dục Kitô giáo trong xã hội đương đại. Thông điệp này ra đời trong bối cảnh khủng hoảng chính trị, kinh tế và giáo dục. Vì thế, Giáo hoàng “muốn khắc phục, một

cuộc khủng hoảng về bản chất chính trị, giáo dục và triết lý: Triết học được giải phóng từ ‘Phúc âm’, vừa truyền cảm hứng cho các nhà lãnh đạo quốc gia và các nhà giáo dục Công giáo”¹⁷. Giáo hoàng kêu gọi các nhà giáo dục Công giáo không chỉ là tiếng vang đích thực được phản ánh qua đạo đức nghề nghiệp, mà còn phản ánh được truyền thống Kitô giáo, dựa trên kiến thức và nhân bản. Trong Thông điệp này, Ngài nhấn mạnh đến truyền thống giáo dục gia đình: “nhà giáo dục tự nhiên đầu tiên là gia đình vì gia đình là tế bào của một xã hội”. Nhà giáo dục thứ hai là Giáo hội vì Giáo hội “có vai trò là cơ quan giáo dục siêu nhiên”. Nhà giáo dục thứ ba là chính phủ các cấp phải “tổ chức giáo dục chính thức từ tiểu học, trung học, kỹ thuật và cao hơn, nhằm truyền đạt cho mọi tầng lớp những kiến thức cần thiết, hữu ích cho công dân”¹⁸.

Quan điểm giáo dục tại trường học của Giáo hoàng Piô XI đã ảnh hưởng như thế nào đến giáo dục trong các trường công lập và các trường tư thục Công giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX? Giáo dục trong các trường Công giáo chú trọng đến giá trị đào tạo kiến thức phổ thông hay giá trị truyền tải “đức tin”? Chương trình giảng dạy tại các trường Công giáo có được nhìn nhận như chương trình khoa học hơn hay là giáo dục đạo đức phương Tây?

Đầu thế kỷ XX, do ảnh hưởng của chính quyền thuộc địa Pháp nên các trường Công giáo Việt Nam phải chịu áp lực giáo dục thế tục. Vì thế, Giáo hoàng Piô XI đã không ngần ngại đề cập đến luật tách biệt giữa Giáo hội và Nhà nước Pháp đầu thế kỷ XX. Một trong những điều đáng quan tâm là các nhà giáo dục Công giáo chú trọng đến chuẩn mực luật lệ liên quan đến hành vi đạo đức, như: công bằng, trung thành, trung thực, tôn trọng lời nói và giữ lời hứa. Phương pháp giáo dục tự nhiên mà Giáo hoàng Piô XI đề cập tới là tính trung thực, như: dũng cảm và công bằng. Như vậy, giáo dục đạo đức tự nhiên cũng phải có tinh thần cống hiến bằng trí tuệ theo tác phẩm của nhà triết học Hy Lạp Platon¹⁹. Trong khi đó, giáo dục đạo đức Kitô giáo chủ yếu dựa trên nền tảng đạo đức tự nhiên của gia đình và phương pháp sư phạm Công giáo dựa trên bản chất tự nhiên của con người và trên nền tảng của Phúc Âm. Một sự trùng lặp với Triết học phương

Tây, bản chất “con người Việt Nam có một nền đạo đức tự nhiên, tốt về tổng thể, với những quan điểm siêu nhiên và tôn giáo không bị biến đổi. Công giáo có thể mang lại giáo điều theo đời sống siêu nhiên của Chúa Kitô”²⁰. Tính cách tự nhiên của người Việt Nam rất phù hợp với Công giáo và Thông Điệp của Giáo hoàng Piô XI càng làm sáng tỏ hơn về vai trò giáo dục giữa gia đình, Giáo hội và xã hội về: “nhà giáo dục tự nhiên là gia đình và nhà giáo dục siêu nhiên là Giáo hội”²¹. Đồng thời, Giáo hoàng Piô XI mời gọi chính phủ các cấp “bảo vệ quyền của trẻ em được đến trường”. Đáp ứng lời kêu gọi của người đứng đầu Tòa Thánh, Chính phủ bảo hộ đã giới thiệu một khóa học đạo đức trong chương trình giảng dạy tại trường học cho trẻ em bậc tiểu học²² bổn phận của con cái đối với cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình, như: “lễ phép, nhân hậu, tôn trọng, cư xử khiêm tốn và tình đoàn kết trong gia đình. Điều này phù hợp với truyền thống văn hóa hiếu thảo trong gia đình Việt Nam: thờ cúng tổ tiên, bổn phận đối với cha mẹ, hiếu thuận, vâng lời, kính trọng, giúp đỡ và ngay thẳng”²³. Thế thì, việc giảng dạy đạo đức trong các trường tư Công giáo không có gì trái ngược với đạo Hiếu theo truyền thống Việt Nam. Chương trình giáo dục đạo đức tại nhà trường dưới thời Pháp thuộc dù sao chăng nữa cũng hướng tới mục tiêu giáo dục hài hòa giữa văn hóa giáo dục Nho giáo và văn hóa giáo dục Kitô giáo.

Nếu giáo dục đạo đức Nho giáo ở Việt Nam còn được thực hành tại nhà trường với phương châm: “Tiên học lễ, hậu học văn”²⁴, tức là học cho biết cách sống trước khi học văn, thì đầu thế kỷ XX, chính phủ bảo hộ áp đặt khái niệm giáo dục đạo đức bản xứ truyền thống ở Bắc Kỳ lên tất cả các trường công lập từ năm 1919 và trường tư Công giáo năm 1924, nhằm tạo cơ sở cho việc giảng dạy hài hòa giữa kiến thức và đạo đức, thay vì chỉ giới hạn trong việc giảng dạy thuần túy khoa học; đồng thời chính phủ thuộc địa Pháp cũng ủng hộ các học thuyết và thực hành sùng bái dung hòa giữa giáo lý Công giáo vào giáo dục Khổng giáo vào thời điểm: “văn hóa Nho giáo vẫn còn ảnh hưởng trong gia đình truyền thống, ngay cả trong gia đình Công giáo ở Việt Nam, cũng gắn liền với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và với tất cả đạo lý xứ An Nam xưa, nơi mà đạo hiếu là chỗ đứng của tất cả mọi thứ và mọi điều kiện”²⁵.

Nếu hệ thống giáo dục tư Công giáo được công nhận chính thức năm 1924, thì theo như nhận định của Delabar, phương pháp sư phạm Công giáo “được thành lập trên bản chất phục vụ con người theo giá trị Phúc Âm mới có thể bảo đảm cho các thế hệ tiếp theo, sự hiểu biết và thực hành các quy tắc tạo nên những con người lương thiện, những công dân tốt và những vị thánh”²⁶. Việc rèn luyện đạo đức không chỉ được áp dụng trong các trường Công giáo, mà còn tồn tại rất nhiều trong trường làng thuộc tôn giáo khác²⁷. Dẫu sao chẳng nữa, giá trị giáo dục đạo đức Kitô giáo đã được thực hành và truyền cảm hứng đạo đức tại các nước phương Tây và truyền thống Việt Nam. Nếu người Công giáo nhìn nhận giá trị giáo dục này như một môn học đạo đức, thì ở một số quốc gia châu Á, nơi người Công giáo chiếm thiểu số, các nhà truyền giáo phương Tây đã đến truyền giảng và xây dựng các cơ sở trường học, thậm chí cả trường đại học, để góp phần xây dựng con người, Giáo hội và xã hội²⁸.

Nhìn chung, giáo dục Công giáo tại Việt Nam nhờ Hiệp ước năm 1874 và sắc lệnh của Tổng thống Alexandre Millerand năm 1924 mà hệ thống này có hiệu lực, không những trên phương diện quốc gia, mà còn bảo đảm tính pháp lý với hệ thống giảng dạy của Pháp tại bản xứ. Chắc hẳn đây cũng là thời điểm mà các trường tư thực Công giáo phát triển hầu hết trong các hạt Đại diện Tông Tòa tại Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ, từ năm 1930 đến năm 1945. Lẽ dĩ nhiên là Giáo hội Công giáo tại Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục khoa học, nhưng vẫn được giảng dạy đạo đức cần thiết, thích hợp với luân lý của Giáo hội Công giáo trong các trường tư thuộc tôn giáo.

3. Giá trị phương pháp tiếp cận sư phạm và giáo dục trong các trường tư Công giáo

Lịch sử giáo dục tại các trường tư thực Công giáo được chấp nhận chính thức tại Đông Dương đầu thế kỷ XX, mở ra một cánh cửa mới cho nền giáo dục Công giáo từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông của Pháp tại bản xứ. Hệ thống giáo dục Công giáo phần lớn do nữ tu dòng Thánh Phaolô thành Chartres đảm nhận giảng dạy sơ cấp tại các trường học giáo xứ và dòng Sư huynh La San điều hành và giảng dạy tại các trường cấp I và cấp II. Khác xa với việc tối thiểu hóa kiến thức,

giảng dạy Công giáo theo thông điệp của Giáo hoàng Piô XI năm 1929, khi Ngài kêu gọi chính phủ các cấp, “nhân danh công ích, tổ chức giáo dục chính thức tiểu học, trung học, kỹ thuật và cao hơn, nhằm phổ biến, trong mọi tầng lớp, mọi loại kiến thức, cần thiết hoặc hữu ích cho công dân”²⁹. Điều này muốn nói lên mối quan hệ giữa Giáo hội và xã hội trong vai trò giáo dục “nhân cách” bằng văn hóa “đánh thức trí tuệ, truyền kiến thức, làm chủ kiến thức với những kỹ năng mới”.

Để thực hiện được mục tiêu làm chủ kiến thức và truyền dạy kiến thức, các nhà sư phạm Công giáo phải đáp ứng những điều kiện của chính quyền thuộc địa Pháp về bằng cấp sư phạm theo nghị định ngày 27/01/1925: “yêu cầu giáo viên người Pháp dạy tiểu học bản xứ phải có chứng chỉ học sơ cấp”³⁰. Vấn đề ở chỗ là, Toàn quyền Pháp tại Đông Dương không những đưa ra quy định gửi đến các nhà sư phạm Công giáo tại các trường tiểu học của giáo xứ, mà còn bắt buộc các nhà truyền giáo Pháp phải có chứng chỉ Sơ cấp bản xứ, mặc dù các Giám mục Đàng Ngoài đã đề nghị Toàn quyền Pháp tại Đông Dương (Mr Robin) một số sửa đổi đối với các sắc lệnh về điều hành và kiểm soát hệ thống giáo dục tư thực Công giáo năm 1927: “quy chế giáo dục nhất thiết phải mang tính chất khoan dung đại lượng đối với các trường tư thực”³¹. Kiến nghị của Giám mục Tông tòa gồm: chuyển giám đốc hoặc giáo viên trong các trường Công giáo, chứng chỉ học chữ Quốc ngữ, chứng chỉ Sơ cấp bản địa đòi hỏi phải có đối với các nhà truyền giáo Pháp; thừa nhận hệ thống giáo dục tư về quyền tự do trong chương trình giảng dạy và phương pháp sư phạm... Tuy nhiên, các quy định về giáo dục tư thực tại Đông Dương đã được chỉ thị bởi các quan chức chính phủ trong việc thanh tra các trường tư thực và đánh giá chất lượng của các trường tư Công giáo bắt đầu năm 1928. Quy định này hầu như chỉ áp dụng cho các trường Cao đẳng Công giáo, như: Học viện Taberd tại Sài Gòn; Viện Chúa Quan Phòng, Trường Cao đẳng Pellerin và Jeanne d’Arc tại Huế, Trường Cao đẳng Adran tại Đà Lạt và Puginier tại Hà Nội.

Vào những năm 1930, hệ thống giáo dục Cao đẳng và Trung học tư thực Công giáo phải chịu áp lực kiểm soát của Ban Thanh tra giáo dục

Pháp thuộc địa, theo như nghị định ngày 22/01/1930, buộc các thành viên trong đội ngũ giáo viên của các trường tư thực, không những về tuổi tác mà còn năng lực của đội ngũ giáo viên. Vào thời điểm này, mối quan tâm của các Giám mục Tông tòa tại miền Bắc liên quan đến bằng cấp sư phạm Pháp và sư phạm tiểu học bằng chữ Quốc ngữ, cũng như đội ngũ giáo viên sư phạm. Có lẽ đây là chính là lý do tại sao Giám mục Ramond, Giám mục Tông tòa Hưng Hóa, đã ngỏ lời với Toàn quyền Đông Dương vào năm 1933, đề yêu cầu xin “cấp Chứng chỉ tiểu học cho một số nhà truyền giáo để họ có thể lãnh đạo và giảng dạy tại các trường tiểu học trong các giáo xứ”³². Lẽ dĩ nhiên là Giám mục Ramond xin được miễn Chứng chỉ Sơ cấp Tiểu học bản xứ cho các nhà truyền giáo phương Tây trong Giáo hạt của Ngài, để cho phép các tu sĩ tiếp tục đóng vai trò giảng dạy tiểu học tại các trường giáo xứ, vì theo Ngài, các nhà truyền giáo Pháp đã có bằng sư phạm giáo lý. Tuy nhiên, Toàn quyền Đông Dương vẫn đòi hỏi các nhà sư phạm Công giáo phải có bằng Sơ cấp Tiểu học ngang hàng với hệ thống giáo dục Pháp bản xứ, để bảo đảm chất lượng giảng dạy bằng ngôn ngữ địa phương (Quốc ngữ)³³.

Nói chung, hệ thống giáo dục Công giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX cho dù phát triển mạnh, nhưng các trường Công giáo vẫn thiếu giáo viên có trình độ, bằng cấp sư phạm cần thiết theo quy định năm 1925. Chính vì thế mà Giám mục Tông tòa Sài Gòn đã quyết định mở một trường sư phạm ở Cape Saint Jacques. “Chúng tôi có một trường sư phạm để đào tạo các giáo viên tôn giáo của chúng tôi. Ở đó, các sinh viên phải chuẩn bị cho các kỳ thi để lấy chứng chỉ sư phạm và bằng tốt nghiệp cần thiết để giảng dạy trong các trường học Công giáo tại Nam Kỳ”³⁴. Tại Bắc kỳ, trường sư phạm được thiết lập tại Nam Định ngay từ năm 1924 để “đào tạo giáo viên dạy trong các trường Công giáo. Số học sinh tại trường sư phạm đạt tới 242 học sinh vào năm 1930”³⁵.

Một điều hiển nhiên là những nhà truyền giáo Pháp đã có bằng sư phạm giáo lý, nhưng cũng phải chịu áp lực về điều kiện bằng cấp và khả năng sư phạm tiểu học, để đảm bảo chất lượng giáo dục tư thực song song với trường Pháp bản xứ. Như vậy, chương trình giáo dục

trong các trường tư thực Công giáo từ cấp I đến cấp II ngang hàng với các trường công lập: từ quy định bằng cấp đến khả năng sư phạm và giáo dục. Cho dù có sự khớp nối hoặc đối đầu phương pháp sư phạm giữa trường công và tư chẳng nữa, thì cách tiếp cận chương trình giáo dục chung đã giúp cho mỗi học sinh nắm bắt được kiến thức học thuật. Tuy nhiên, việc giảng dạy của các cơ sở Công giáo là nhằm “phát triển trí tuệ cho học sinh, bằng sự hướng dẫn vững chắc và hình thành nhân sinh, nhân bản, bằng một tinh thần kỷ luật mạnh mẽ và giàu tính nhân ái, tạo nên những con người ngay thẳng, quảng đại và những công dân tận tụy cho lợi ích xã hội”³⁶.

Kết luận

Nếu giáo dục Kitô giáo đã được nhìn nhận bán chính thức từ thời các tu sĩ Dòng Tên chính thức truyền bá Tin Mừng và sáng lập chữ Quốc ngữ để dạy giáo lý, thì hệ thống giáo dục phổ thông của Công giáo chỉ được nhìn nhận chính thức từ năm 1924 tại Việt Nam. Hệ thống giáo dục tư thực Công giáo Việt Nam dưới thời thuộc địa đã mang lại hòa bình và thịnh vượng trong bối cảnh cuối Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất (1918) đến Chiến tranh Đông Dương bùng nổ năm 1945. Giám mục de Guébriant nhận định: “Các Kitô hữu Việt Nam muốn phát triển giáo dục trung học và đặc biệt là thành lập một trường Đại học Công giáo, nếu không, Công giáo Việt Nam sẽ vẫn còn khó khăn và xa lạ. Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của đất nước và sự mê hoặc của các hệ tư tưởng mới, sự thiếu hụt nhân sự tông đồ phù hợp được cảm nhận một cách sâu sắc. Người ta phải sợ rằng nhà truyền giáo Paris, vốn đã quá tải, sẽ còn nhiều hơn sau khi hòa bình trở lại, vì những nhu cầu mới”. Tuy nhiên, chúng tôi còn băn khoăn: lịch sử Công giáo ở Việt Nam bị hoàn cảnh thay đổi từ năm 1945 và hệ thống các trường Công giáo từ cấp I đến cấp II vắng bóng cho tới ngày hôm nay đã để lại hệ quả nào cho Giáo hội và xã hội Việt Nam? Giá trị giáo dục tinh thần đạo đức Á- Âu có còn hiện hữu trong xã hội Việt Nam ngày nay? Làm thế nào để các nhà sư phạm Công giáo đóng góp xây dựng xã hội trong sứ mệnh giáo dục học thức, nhân bản và đạo đức Á-Âu hầu mang lại sự bình an và thịnh vượng cho đất nước trong bối cảnh hoàn cầu hóa?

CHÚ THÍCH:

- 1 Lê Đình Bảng, “Văn học Công Giáo-những chặng đường” *Nghiên cứu văn học*, n° 7/581 july 2020, tr.24
- 2 Honorio Munoz (1967), «Misioneros Dominicos en Vietnam» in Convento de Santo Domingo, Filipinas (Văn khố dòng Đa Minh Phi Luật Tân).
- 3 Lê Thị Hoa Maria, “Văn học Công giáo và Đạo Công giáo đã góp phần xây dựng lịch sử và xã hội Việt Nam trong niềm tin như thế nào? *Nghiên cứu văn học*, n° 7/581 july 2020, tr.34.
- 4 Alain Guillemin, “Alexandre de Rhodes a-t-il inventé le Quốc ngữ?”, *Moussons*, n° 23, 2014, p. 143.
- 5 AOM, INDO GGI 15795, Dossier : Confidentiel (Hué 1905), N° 36, Lettre du Résident Supérieur en Annam au Gouverneur Général de l’Indochine.
- 6 AOM, INDO AF, carton 316, N°407, *Rapport au Ministre, Direction des Colonies*.
- 7 *Chữ văn Quốc ngữ thời kỳ Pháp thuộc*, nhà in Nam Sơn Sài Gòn 1974, từ trang 25 đến trang 51: Nghị định 22-2-1869 bố buộc dùng Quốc ngữ trong giấy tờ chính thức; Nghị định 17-3-1879 về tổ chức nền học chánh mới ở Nam kỳ; Nghị định 14-6-1880 thiết lập ở mỗi làng, thị xã trường dạy chữ Quốc ngữ.
- 8 Charles Gosselin, *l’Empire d’Annam*, “Collection XIX », Editeur Perrin, Paris 2016, p. 67-68.
- 9 L'article 9 du traité du 15 mars 1874: AOM, INDO GGI 65541: N° 248-S, Le Gouverneur Général de l’Indochine à Mr le Résident Supérieur au Tonkin de Hanoï, concernant le catholicisme, du 29 avril 1949.
- 10 Lê Thị Hoa Maria, *Học giả Văn hóa và Thấy dạy Đức tin, Giám mục Hồ Ngọc Cẩn (1876 –1948)*, Nhà xuất bản Tri Thức, Hà Nội, 2019, tr.35.
- 11 Trinh Van Thao, *L’école française en Indochine*, Karthala, Paris 1995, p.125.
- 12 AOM, INDO GGI 51569: Missions Catholiques du Tonkin, n° 1/34, Les évêques du Tonkin demandent certaines modifications aux décrets et arrêtés sur les fonctionnements et le contrôle de l’enseignement privé, Hanoï le 1 octobre 1927.
- 13 AOM, Fonds INDO GI 48043, Rapport du Gouverneur Général. L’enseignement primaire franco-annamite d’une scolarité de 4 ans correspondent aux deux années d’Au Hoc et les 3^{ème} années de Tieu-Hoc. La majorité de l’école franco-annamite restera dans ses rizières paisibles pour cultiver le patrimoine ancestral.
- 14 Lê Thị Hoa Marie, *L’enseignement catholique aux prises avec les mutations de la société et de l’Église au Vietnam de 1930 à 1990*, thèse de Doctorat de l’Université Paris Diderot, 2018, p. 54.

- 15 Lê Thị Hoa Marie, *L'enseignement catholique aux prises avec...*, op. cit. p. 149.
- 16 La Cochinchine scolaire, *L'enseignement dans le pays plus évolué de l'union Indochinoise*, Imprimerie d'Extrême-Orient Hanoi, 1931, p.8.
- 17 Charles Marie Delabar, *L'Éducation à l'école de Pie XI*, Paris, 1936, p.20.
- 18 Encyclique du Pape Pie XI, *L'éducation chrétienne de la jeunesse*, 31 décembre 1929, p.10-12.
- 19 Platon, *La République*, Livre IV, 428b-429a, Hachette, Paris, 1880.
- 20 Lê Thị Hoa Marie, *L'enseignement catholique aux prises avec...*, op. cit., p.58.
- 21 Encyclique du Pape Pie XI, *L'éducation chrétienne de la jeunesse*, 31 décembre, 1929, p.10-13
- 22 AOM, INDO GGI 51566, Le Gouverneur Général de l'Indochine à Monsieur le Résident supérieur au Tonkin, Hanoi, 1924, p.3.
- 23 Lê Thị Hoa Marie, *L'enseignement catholique aux prises avec ...*, p. 59.
- 24 BNF, 8°JO, 8861, *Bulletin des anciens élèves de l'Ecole supérieure d'éducation physique de l'Indochine*, n° 10, septembre 1943, par la réponse à l'article, le corps et l'esprit par Mr Hâm.
- 25 Archives de Chanoinesses de Saint Augustin, Congrégation de Notre Dame ou "Couvent des Oiseaux", *Revue Missionnaire* "Messis multa..." Mater Amabilis, 1935, p. 19.
- 26 Charles Marie, Delabar, *L'Éducation à l'école de Pie XI*, Paris, 1936, p. 90.
- 27 AOM, INDO GGI 51566, *Très confidentiel*, L'Administrateur de 2^{ème} classe, Résidence de France à Ninh-Binh du 29 novembre 1924.
- 28 André-Joseph Léonard, (Mgr), *Agir en chrétien dans sa vie et dans le monde, fidélité*, Belgique 2011. p. 85.
- 29 Charles Marie Delaber, op. cit., p. 40.
- 30 AOM, INDO GGI 515833, Gouverneur Général de l'Indochine à Mgr RAMOND, Vicaire Apostolique de Hunghoa, Hanoi, 1933.
- 31 AOM, INDO GGI 51596, Missions catholiques du Tonkin à Mr le Gouverneur Général de l'Indochine de Hanoi du 1 octobre 1927.
- 32 AOM, INDO GGI 515833, Gouverneur Général de l'Indochine à Mgr RAMOND, Vicaire Apostolique de Hunghoa, Hanoi 25 mai 1933.
- 33 Lê Thị Hoa Marie, *L'enseignement catholique aux prises avec ...*, p. 116.
- 34 APF, NS, Rubrica n° 20/1924, vol 803, Réponses aux questions posées par la S.C. de la Propagande à l'occasion de la visite apostolique des Missions de l'Indochine à la Mission de Cochinchine Occidentale (Saigon), p. 36.
- 35 Lê Thị Hoa Marie, *L'enseignement catholique aux prises avec ...*, p. 150.
- 36 AOM, INDO GGI 51586, dossier: *Le Collège de la Providence de Hue*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Văn khố Hằng hải và thuộc địa (AOM: Archives d’Outre-Mer)
- AOM, INDO AF, carton 316, N° 407- GGI 15795 ; GGI 65541,n°N° 248-S, GGI 51569, n° 1/34 ; GGI 515833 ; GGI 51596 ; GI 48043.
- Văn khố Thánh Bộ Truyền Giáo Rô-ma (APF : Archives de la Propaganda Fide)
- APF, NS, Rubrica n° 20/1924, vol. 803,
- Archives de Chanoinesses de Saint Augustin, Dòng Đức Bà "Couvent des Oiseaux" *Revue Missionnaire* "Messis multa..." Mater Amabilis 1935
- 1. Anonyme, *Chữ văn Quốc ngữ thời kỳ Pháp thuộc*, nhà in Nam Sơn, Sài Gòn, 1974.
- 2. Anonyme, *La Cochinchine scolaire, L’enseignement dans le pays plus évolué de l’union Indochinoise*, Imprimerie d’Extrême-Orient Hanoi, 1931.
- 3. Anonyme, *Bulletin des anciens élèves de l’Ecole supérieure d’éducation physique de l’Indochine*, n° 10, septembre 1943, par la réponse à l’article, le corps et l’esprit par Mr Hàm.
- 4. Barthemy, Pascale, et Rebecca Rogers, “Enseignement et genre en situation coloniale (*Maghreb, Afrique, Inde, Indonésie, Indochine*)”, in *Margaret Maruani, Travail et genre dans le monde*, La Découverte, 2013,
- 5. Delabar, Charles Marie, *L’Éducation à l’école de Pie XI*. Paris 1936, p.2 0.
- 6. Honorio, Munoz, (1967), “Misioneros Dominicos en Vietnam” in *Convento de Santo Domingo, Filipinas (Văn khố dòng Đa Minh Phi Luật Tân)*.
- 7. Gosselin, Charles, *l’Empire d’Annam*, “Collection XIX”, Editeur Perrin, Paris, 2016.
- 8. Guillemin, Alain, “Alexandre de Rhodes a-t-il inventé le Quốc ngữ?”, *Moussons*, n°23, 2014, pp. 141-157.
- 9. Lê Đình Bảng, “Văn học Công giáo- những chặng đường” *Nghiên cứu Văn học*, n° 7/581 july 2020, pp. 24-30.
- 10. Léolard, André-Joseph, (Mgr), *Agir en chrétien dans sa vie et dans le monde, fidélité*, Belgique, 2011.
- 11. Lê Thị Hoa (2019), Maria, *Học giả Văn hóa và Thầy dạy Đức tin, Giám mục Hồ Ngọc Cẩn (1876-1948)*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- 12. Lê Thị Hoa Maria, “Văn học Công giáo và Đạo Công giáo đã góp phần xây dựng lịch sử và xã hội Việt Nam trong niềm tin như thế nào?” *Nghiên cứu Văn học*, n°7/581 july 2020, tr. 31-42.
- 13. Lê Thị Hoa (2018), Marie, *L’enseignement catholique aux prises avec les mutations de la société et de l’Église au Vietnam de 1930 à 1990*, Thèse de doctorat d’Epistémologie et histoire des sciences, Université Sorbonne Paris Cité, Préparée à Université Paris Diderot.
- 14. Pie XI, (Pape) Encyclique, *L’éducation chrétienne de la jeunesse*, 31 décembre 1929.
- 15. Platon, *La République*, Livre IV, 428b-429a, Hachette, Paris, 1880.
- 16. Trinh Van Thao, *L’école française en Indochine*, Karthala, Paris, 1995.

Abstract**EDUCATIONAL VALUES OF CATHOLIC PRIVATE
SCHOOLS DURING THE FRENCH COLONIAL PERIOD
(1860-1945) IN BUILDING VIETNAMESE SOCIETY****Le Thi Hoa Marie***French Institute of East Asian Studies*

[L'Institut français de recherche sur l'Asie de l'Est (IFRAE)]

This article aims to understand the educational value of Catholic private schools in the history of Christianity from its introduction (the early 16th century) and special expansion during the French colonial period until 1945. If the script of the national language (Quoc Ngu) had been promoted by Alexandre de Rhode in the seventeenth century in order to train native priests and teach catechism, the educational system of Catholic private schools was officially established in Vietnam only in 1924. Were the Catholic private schools in Vietnam officially recognized during the formation of the indigenous French educational system starting in 1917? Whether the educational values of Catholic schools at the beginning of the twentieth century can both meet the needs of the Church and Vietnamese society, while converging Eurasian moral values on the nature of Vietnamese people, as well as, reflecting the pedagogical approach, meeting the quality of teaching and approaching the French-Vietnamese educational program from elementary school to high school. This article does not intend to oppose the French secularization law at school, which was imposed on Cochinchina, however, it emphasizes the importance of the Catholic private educational system on the aspect of curriculum and the value of cultural education that the French missionaries gathered Western knowledge and integrated Eastern culture.

Keywords: Education; Catholicism; French colony; Vietnam.